

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2021/DS-PT

Ngày: 06/10/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Phận

Các Thẩm phán:

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thùy Dung, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2021/QĐ-PT ngày 13 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị K A, sinh năm: 1965;

Trú tại: Ấp 3, xã BT, huyện B Đ, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Đặng Hoàng M, sinh năm: 1985; (có mặt)

Trú tại: Ấp 3, xã BT, huyện B Đ, tỉnh Bến Tre.

(Theo văn bản ủy quyền lập ngày 24/6/2021).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1955; (có mặt)

Trú tại: Ấp 3, xã BT, huyện B Đ, tỉnh Bến Tre.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm;

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị K A và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đặng Hoàng M trình bày:

Ngày 03/6/2017 (âm lịch) bà Lê Thị K A có cho bà Nguyễn Thị T mượn số tiền 150.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, hạn 01 tháng sau sẽ trả. Hai bên có làm tờ giấy tay do bà T tự viết và ký tên. Tờ giấy tay có nội dung “Hôm nay ngày 03/6/2017, tôi tên T có mượn K A số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm chục triệu)”. Sau đó đến thời hạn trả nhưng bà T không thanh toán nợ như đã hứa. Đến tháng 3/2018 bà T mới trả cho bà K A số tiền 70.000.000 đồng, khoảng tháng 3/2019 bà T trả tiếp cho bà K A số tiền 10.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng bà T đã trả được cho bà K A số tiền 80.000.000 đồng, còn nợ lại 70.000.000 đồng, bà K A đã nhiều lần đòi nhưng đến nay bà T vẫn chưa trả.

Nay bà K A yêu cầu bà T trả cho bà số tiền 70.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần, không đồng ý cho bà T trả dần.

Cơ sở chứng cứ để khởi kiện là tờ giấy tay mượn nợ ngày 3/6/2017 do bà T viết và ký tên.

Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà thừa nhận hiện nay bà còn nợ bà K A số tiền 70.000.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà K A số tiền này nhưng xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi tắt nợ, bắt đầu từ đầu tháng 5/2021, bà không có khả năng trả nợ một lần như bà K A yêu cầu.

Việc bà K A trình bày khi cho vay hai bên không thỏa thuận lãi suất là không đúng. Hai bên có thỏa thuận lãi suất vay là 7%/tháng. Tuy nhiên, bà đã đóng cho bà K A được bao nhiêu tiền lãi và thời gian đóng lãi bà đều không nhớ, nhưng số tiền lãi đã đóng là do bà tự nguyện đóng nên không có yêu cầu gì khác.

Tờ giấy tay mượn nợ do bà K A xuất trình đúng là do bà viết và ký tên, bà không có khiếu nại hay thắc mắc gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 42/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 26, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện bà Lê Thị K A đối với bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị K A số tiền 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự, quyền yêu cầu thi hành án.

Ngày 26/5/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị T vẫn giữ nguyên kháng cáo với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà đối với số tiền nợ 70.000.000 đồng, mỗi tháng trả 2.000.000 đồng cho đến khi tắt nợ, bà không có khả năng trả một lần.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày như trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và yêu cầu cấp phúc thẩm bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm và đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, tuyên xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét tờ giấy tay mượn tiền đề ngày 03/6/2017: Bà K A cho rằng tờ giấy tay này do bà T viết và ký tên. Bà T cũng thống nhất với lời trình bày này của bà K A và thừa nhận nội dung nêu trong tờ giấy tay mượn tiền. Do đó, có căn cứ xác định, ngày 03/6/2021 bà Nguyễn Thị T có vay của bà Lê Thị K A số tiền 150.000.000 đồng.

Bà Lê Thị K A và bà Nguyễn Thị T đều thừa nhận hiện tại bà T còn nợ lại bà K A số tiền 70.000.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 70.000.000 đồng là có căn cứ.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo xin trả dần của bà Nguyễn Thị T, thấy rằng, tại Điều 463 Bộ luật Dân sự quy định *khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng...* Như đã nhận định ở

phần trên, bà T có nghĩa vụ trả cho bà K A số tiền 70.000.000 đồng, do phía bà K A không đồng ý với yêu cầu xin trả dần của bà T nên căn cứ quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin trả dần của bà T.

[3] Từ những căn cứ trên, xét nhận định của cấp sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận; xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T là không có cơ sở chấp nhận; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 42/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bến Tre.

Tuy nhiên, bản án sơ thẩm đã nhận định về sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T là không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về số tiền lãi đã đóng cho bà Lê Thị K A nhưng lại không ghi nhận về sự tự nguyện này trong phần quyết định của bản án là có thiếu sót, vì vậy cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng nhưng do bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 42/2021/DS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị K A đối với bà Nguyễn Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bà Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị K A số tiền là 70.000.000 (Bảy mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức

lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về số tiền lãi đã đóng cho bà Lê Thị K A.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Lê Thị K A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.750.000 đồng (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006287 ngày 15/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B Đ, tỉnh Bến Tre (do ông Đặng Hoàng M nộp thay).

5. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T được miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B Đ;
- Chi cục THADS huyện B Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP, P. KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Văn Phận